

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn r thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn r thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81;82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng V và chị Trương Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Hoàng V và chị Trương Thị T có 02 con chung tên là Hoàng Hải, sinh ngày 23/5/2012; Hoàng Nhã Phương, sinh ngày 29/07/2014. Hiện nay, con chung đang ở với anh Vũ.

Khi ly hôn, anh Hoàng V và chị Trương Thị T tự nguyện thỏa thuận với nhau về con chung như sau:

- Anh Hoàng V được trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Hoàng Hải, sinh ngày 23/5/2012; Hoàng Nhã Phương, sinh ngày 29/07/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

- Chị Trương Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Anh Hoàng V và chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Anh Hoàng V và chị Trương Thị T mỗi người nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trương Thị T tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí của anh Hoàng V. Do đó, tổng số tiền án phí mà chị Trương Thị T phải nộp là 150.000 đồng, được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Tươi đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004084, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho chị Trương Thị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí còn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND H. Sa Thầy;
- UBND xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS H. Sa Thầy;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lâm